

Bản án số: 08/2019/HS-ST
Ngày 03 - 7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC THỦ ĐÔ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: 1// Đỗ Thanh Xuân.

Các Hội thẩm quân nhân:

1// Đặng Đình Sáng;

1// Lê Thanh Tùng.

Thư ký phiên toà: 4/ Hoàng Thị Phương Nhung, Thư ký Toà án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội tham gia phiên toà: 1// Ngô Quang Huy - Kiểm sát viên;

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Hải Y; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1975; tại phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Khu đô thị V, phường G, quận L, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công T và bà Hoàng Thị O; có chồng là Trương Anh Q và 02 con đã trưởng thành; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị tạm giữ từ ngày 03/10/2018 đến ngày 12/10/2018 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/10/2018 đến ngày 12/4/2019; hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú: Có mặt.

2. Doãn Mạnh T; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày 05 tháng 01 năm 1981; tại xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: phường G, quận L, Thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Doãn Trung T và bà Ngô Thị N; có vợ là Đinh Thị H và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị tạm giữ từ ngày 03/10/2018 đến ngày 12/10/2018 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi

khỏi nơi cư trú từ ngày 12/10/2018 đến ngày 12/4/2019; hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú: Có mặt.

- *Bị hại:*

Viện K, Cục Q; địa chỉ: xã L, huyện T, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị hại:*

Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1979 (cấp bậc: 4/; chức vụ: Trợ lý nghiên cứu, Viện K, Cục Q); nơi cư trú: Tổ 13, phường P, quận L, Thành phố Hà Nội: Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Dương Thanh T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Chung cư K, quận H, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc D tại đường A, quận T, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

2. Nguyễn Thị X, sinh năm 1985; nơi cư trú: phường D, quận H, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc T tại đường L, quận T, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

3. Đỗ Thị Thu H sinh năm 1980; nơi cư trú: Khu đô thị M, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc Bệnh viện hữu nghị V tại phố P, quận H, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

4. Nguyễn Trọng T, sinh năm 1980; nơi cư trú: phường P, quận N, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc M tại đường M, quận N, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

5. Phùng Thị Kim L, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện Q, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc Q tại thôn H, xã H, huyện Q, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

6. Dương Đức H, sinh năm 1986; nơi cư trú: xã N, huyện T, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc V tại Đội 2, thôn V, xã Đ, huyện T, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

7. Đỗ Thu H, sinh năm 1991; nơi cư trú: phường C, quận L, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc V1 tại phường C, quận L, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

8. Vũ Văn T, sinh năm 1984; nơi cư trú: đường N, quận H, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc H tại đường N, quận H, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

9. Lê Ngọc T, sinh năm 1990; nơi cư trú: khu T, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc H1 tại tổ 7, khu T, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

10. Vũ Tuấn A, sinh năm 1991; nơi cư trú: đường N, phường Q, quận H, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc Bệnh viện Y tại đường N, phường Q, quận H, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

11. Nguyễn Thị P, sinh năm 1982; nơi cư trú: huyện T, Thành phố Hà Nội (là đại diện nhà thuốc Bệnh viện M1, Hà Nội tại đường N, phường Q, quận H, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

12. Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1957; nơi cư trú: Khu đô thị X, quận H, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa Quốc tế T tại đường P, quận H, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

13. Đào Thị Thùy L, sinh năm 1988; nơi cư trú: đường V, quận T, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc phòng khám A tại khu V, quận H, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

14. Lê Huy T, sinh năm 1988; nơi cư trú: phường P, quận L, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc M2 tại đường T, quận L, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

15. Nguyễn Thị Chung K, sinh năm 1979; nơi cư trú: đường N, quận L, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc M3 tại đường N, quận L, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

16. Đặng Thị T, sinh năm 1991; nơi cư trú: đường M, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc Đ tại đường M, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

17. Phạm Thế V, sinh năm 1980; nơi cư trú: đường N, quận B, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc V2 tại đường N, quận B, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

18. Nguyễn Thị P1, sinh năm 1991; nơi cư trú: đường M, quận B, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà Thuốc P tại đường G, quận B, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

19. Phạm Văn L, sinh năm 1970; nơi cư trú: đường H, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc Bệnh viện M4 tại đường H, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

20. Mai Thị Thanh N, sinh năm 1966; nơi cư trú: đường Y, quận C, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc X tại đường Y, quận C, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

21. Nguyễn Nam T, sinh năm 1982; nơi cư trú: đường L, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc T1 tại đường L, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

22. Nguyễn Thị N, sinh năm 1996; nơi cư trú: Đường Đ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội (là đại diện Nhà thuốc T2 tại Đường Đ, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội): Vắng mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Trương Thị Kim L: Có mặt;

2. Đỗ Văn T2: Vắng mặt;

3. Đinh Thị P: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Hải Y là người bán hàng thuê tại cửa hàng sách Y Dược số 4 phố S, phường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội; để có thêm thu nhập, Y đã liên hệ với Viện K để hiệu chuẩn thiết bị âm kế cho các nhà thuốc. Khoảng tháng 7 năm 2017 Y đã mang một bộ gồm Giấy chứng nhận và Tem hiệu chuẩn thiết bị âm kế của Viện K đưa cho Doãn Mạnh T ở cửa hàng photocopy P, địa chỉ: đường T, phường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội (do vợ T là Đinh Thị H quản lý) để T làm giả và thỏa thuận, mỗi bộ Giấy chứng nhận và Tem hiệu chuẩn T làm giả Y sẽ cho T 100.000 đồng; T đồng ý và đã sử dụng máy photocopy để scan mẫu Giấy chứng nhận và Tem hiệu chuẩn của Viện K vào máy tính và sửa mẫu tem, sao chép thành nhiều tem, lấy số ngẫu nhiên... Khi có khách hàng hiệu chuẩn âm kế thì Y sử dụng điện thoại di động nhắn tin cho T về thông tin khách hàng để T điền thông tin khách hàng vào phôi Giấy chứng nhận hiệu chuẩn đã lưu trong máy tính, sau đó in ra giao cho Y kèm 01 Tem hiệu chuẩn giả. Ngoài ra T còn tải tài liệu “Hướng dẫn cài đặt, lắp đặt thiết bị âm kế” và “phần mềm âm kế” ở trên mạng xuống để khi có khách hàng đặt mua âm kế thì in ra 01 bộ cùng với Giấy chứng nhận hiệu chuẩn và Tem hiệu chuẩn để Y giao cho khách hàng. Có lần Y trực tiếp đến lấy, có lần T mang sang hiệu sách cho Y, có lần Y nhờ Đỗ Văn T2 (xe ôm) đi lấy.

Đối với khách hàng hiệu chuẩn lại âm kế thì Y thu 250.000 đồng/01 thiết bị; đối với khách hàng mua âm kế và hiệu chuẩn âm kế thì Y thu từ 350.000 đồng đến 450.000 đồng đối với 01 thiết bị âm kế thường và từ 1.500.000 đồng đến 2.500.000 đồng đối với 01 thiết bị âm kế hiện số (trong đó có 250.000 đồng là tiền hiệu chuẩn đối với 01 thiết bị âm kế, còn lại là tiền mua âm kế). Tất cả thông tin khách hàng đến hiệu chuẩn và mua thiết bị âm kế được ghi lại trong 02 quyển sổ ghi chép của Y. Ngày 03/10/2018, khi T đang giao cho Y 01 bộ Giấy chứng nhận hiệu chuẩn và Tem hiệu chuẩn do T làm giả của Viện K tại cửa hàng photocopy P thì bị Cơ quan điều tra hình sự Tổng cục Hậu cần và Công an Thành phố Hà Nội bắt quả tang.

Quá trình điều tra xác định từ tháng 7/2017 đến đầu tháng 10/2018, Nguyễn Thị Hải Y và Doãn Mạnh T đã làm giả tổng cộng 49 Giấy chứng nhận hiệu chuẩn và 38 Tem hiệu chuẩn âm kế giả của Viện K, thu lời 12.250.000 đồng (Y thu lời 7.350.000 đồng, T thu lời 4.900.000 đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Hải Y khai nhận: Năm 2016, Y được chị Trương Thị Kim L nhờ đến giúp việc và bán sách thuê tại cửa hàng sách đường S, phường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội trực thuộc Hội Y học Hà Nội; năm 2017, Y có nhận mua hộ khách hàng (các cửa hàng thuốc) thiết bị âm kế và hiệu chuẩn lại âm kế. Thời gian đầu Y đến Viện K để hiệu chuẩn cho khách hàng. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 7/2017 do một số khách hàng muốn hiệu chuẩn nhanh và cũng vì mục đích kiếm tiền, Y đã mang một bộ gồm Giấy chứng nhận hiệu chuẩn và Tem hiệu chuẩn của Viện K (có chữ ký của thủ trưởng và dấu đỏ

của đơn vị) đến gặp Doãn Mạnh T đặt vấn đề bảo T làm giả. Sau khi T nhận lời thì Y đã thỏa thuận với T là mỗi bộ Giấy chứng nhận hiệu chuẩn và Tem hiệu chuẩn T làm giả cho Y, Y sẽ trả cho T 100.000 đồng...

Tại phiên tòa, bị cáo Doãn Mạnh T khai nhận: Khoảng tháng 7/2017, Nguyễn Thị Hải Y có mang 01 Giấy chứng nhận hiệu chuẩn và 01 Tem hiệu chuẩn thiết bị âm kế của Viện K có chữ ký của thủ trưởng và dấu đỏ của đơn vị đến gặp T đưa cho T, bảo T làm giả. T nhận lời và đã sử dụng máy photocopy scan mẫu Giấy chứng nhận hiệu chuẩn và Tem hiệu chuẩn, sau đó dùng phần mềm photoshop và Coder để chỉnh sửa rồi lưu lại máy tính Giấy chứng nhận hiệu chuẩn; còn Tem hiệu chuẩn thì sau khi chỉnh sửa T lấy số ngẫu nhiên, in ra 01 tờ gồm nhiều tem để dùng dần... Khi Y nhắn thông tin khách hàng qua điện thoại di động cho T thì T mở phôi Giấy chứng nhận hiệu chuẩn đã lưu sẵn trong máy tính, điền thông tin khách hàng rồi in ra để Y giao cho khách hàng; mỗi bộ Giấy chứng nhận hiệu chuẩn và Tem hiệu chuẩn T làm giả như vậy, T được Y trả cho 100.000 đồng...

Người làm chứng Trương Thị Kim L khai tại tòa: Chị L là cán bộ tại Hội Y học Hà Nội và được giao quản lý của hàng sách tại đường S, phường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội; Nguyễn Thị Hải Y là em dâu chị L; năm 2016, do Y không có việc làm nên chị L bảo Y đến trông coi và bán sách tại cửa hàng; chị L có biết việc Y làm hiệu chuẩn âm kế cho khách hàng để hưởng tiền công nhưng không biết Y làm giả và làm ở đâu, thu tiền như thế nào...

Người làm chứng Đỗ Văn T2 khai trong quá trình điều tra: Anh T2 làm nghề xe ôm tại khu vực vườn hoa Lê Trục; Nguyễn Thị Hải Y thường thuê anh T2 lấy tài liệu, giấy tờ từ cửa hàng Photocopy của Doãn Mạnh T và chuyển máy âm kế, tài liệu giao đi các nơi, anh T2 không biết nội dung các giấy tờ, tài liệu mà anh T2 đã nhận từ T...

Người làm chứng Đinh Thị P khai trong quá trình điều tra: Cửa hàng Photocopy P là của vợ chồng em gái chị P là Đinh Thị H và Doãn Mạnh T; số máy móc có tại cửa hàng Photocopy P (gồm: 01 máy in Canon 6860, 01 máy in Epson T60, 01 máy photocopy màu Toshiba 5560C, 01 bộ máy tính Game Max) là của chị P đã cho vợ chồng T mượn sử dụng để kinh doanh; chị P không biết việc Doãn Mạnh T đã sử dụng máy Photocopy và máy tính trên vào việc in giả tài liệu của cơ quan tổ chức...

Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 16 giờ ngày 03/10/2018 của Cơ quan điều tra hình sự, Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng xác định: Chiều ngày 03/10/2018, Nguyễn Thị Hải Y gửi thông tin cho Doãn Mạnh T để làm Giấy chứng nhận hiệu chuẩn và Tem hiệu chuẩn cho khách. T nhận thông tin và in ra cho Y 01 bộ gồm: Giấy chứng nhận hiệu chuẩn đề tên Viện K số: 1655/10/2018 có dấu đỏ và chữ ký của thủ trưởng đơn vị; 01 Tem hiệu chuẩn số: 1561655; 01 đĩa CD ghi chữ phần mềm âm kế; 01 hướng dẫn lắp đặt, cài đặt máy Elitech RC - C1. Khi T đang giao những tài liệu trên tại cửa hàng Photocopy P (địa chỉ: đường T, phường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội) thì bị tổ

công tác của Cơ quan Điều tra hình sự, Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng phối hợp với Công an Thành phố Hà Nội bắt quả tang.

Biên bản khám xét cửa hàng sách Y được (địa chỉ: đường S, phường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội) do Cơ quan Điều tra hình sự, Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng lập hồi 17 giờ 20 phút ngày 03/10/2018, xác định: Khám xét khẩn cấp tại cửa hàng sách Y được (địa chỉ: đường S, phường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội) phát hiện và tạm giữ: 16 Giấy chứng nhận hiệu chuẩn đề tên Viện K; 10 bộ hướng dẫn lắp đặt, cài đặt máy Elitech RC-C1; 12 tem hiệu chuẩn; 02 quyển sổ ghi chép thông tin khách hàng; 12 đĩa CD có ghi chữ “phần mềm âm kế” là các đồ vật liên quan đến hành vi phạm tội của Y.

Biên bản khám xét cửa hàng Photocopy P do Cơ quan Điều tra hình sự, Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng lập hồi 17 giờ 20 phút ngày 03/10/2018 đã thu giữ 01 bộ máy tính để bàn nhãn hiệu Game max chứa các phôi giấy chứng nhận hiệu chuẩn đề tên Viện K, 01 (một) máy photocopy Toshiba 5560C, 01 (một) USB FOCER 21 chứa phần mềm âm kế và hướng dẫn lắp đặt cài đặt âm kế là công cụ, phương tiện Doãn Mạnh T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Biên bản thực nghiệm điều tra do Cơ quan điều tra hình sự khu vực, Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng tiến hành hồi 08 giờ 30 phút ngày 30/10/2018 xác định: Doãn Mạnh T sử dụng máy tính kết nối với máy photocopy tiến hành scan mẫu Giấy chứng nhận hiệu chuẩn, Tem hiệu chuẩn thiết bị âm kế từ máy photocopy vào máy tính và lưu lại. Bị can T nhập thông tin của khách hàng vào phôi đã lưu sẵn trong máy tính và in ra được Giấy chứng nhận hiệu chuẩn, Tem hiệu chuẩn, hướng dẫn lắp đặt cài đặt âm kế, phần mềm âm kế. Trình tự các bước tiến hành làm giả giấy tờ như bị can T đã khai nhận với cơ quan điều tra và kết quả cho thấy các tài liệu bị can T in ra giống với tài liệu Cơ quan điều tra đã thu giữ liên quan đến hành vi làm giả.

Kết luận giám định số 271/GĐKTHS-P11 ngày 05/10/2018 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự, Bộ Quốc phòng cho thấy: toàn bộ chữ ký mang tên 3// Lê Hòa B, Nguyễn Công Đ, Hoàng Thị O và hình dấu mang tên “Viện K/Cục Q” trên các Giấy chứng nhận hiệu chuẩn đề tên Viện K/Cục Q cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A17) đều được hình thành bằng phương pháp in laze màu; còn các nội dung này trên Giấy chứng nhận hiệu chuẩn của Viện K/Cục Q (ký hiệu M1) đều được ký và đóng dấu trực tiếp.

Toàn bộ phần nội dung phôi in và số trên các tem hiệu chuẩn cần giám định ký hiệu từ A18 đến A30 với phần nội dung phôi in và số trên tem hiệu chuẩn mẫu so sánh (ký hiệu M2) đều được hình thành bằng phương pháp in laze màu nhưng có sự khác nhau về bố cục hình dáng hoa văn nền, kích thước phôi và chất lượng bản in; kích thước phôi in ở các tài liệu cần giám định lớn hơn, mức độ sắc nét của các phần tử in là thấp hơn so với tem hiệu chuẩn mẫu so sánh.

Kết luận giám định số 352/GĐKTHS-P11 ngày 19/12/2018 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự, Bộ Quốc phòng cho thấy: toàn bộ chữ ký mang tên 3// Lê Hòa B, Nguyễn Công Đ, Hoàng Thị O và hình dấu mang tên “Viện K/Cục

Q” trên các Giấy chứng nhận hiệu chuẩn đề tên Viện K/Cục Q cần giám định (ký hiệu từ A2 đến A33) đều được hình thành bằng phương pháp in laze màu; còn các nội dung này trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đều được ký và đóng dấu trực tiếp.

Toàn bộ phần nội dung phôi in và số trên các tem hiệu chuẩn cần giám định ký hiệu từ A34 đến A47 với phần nội dung phôi in và số trên tem hiệu chuẩn mẫu so sánh (ký hiệu M2) đều được hình thành bằng phương pháp in laze màu nhưng có sự khác nhau về bố cục hình dáng hoa văn nền, kích thước phôi và chất lượng bản in; kích thước phôi in ở các tài liệu cần giám định lớn hơn, mức độ sắc nét của các phần tử in là thấp hơn so với tem hiệu chuẩn mẫu so sánh.

Kết luận giám định số 11/GĐKTHS-P11 ngày 16/01/2019 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự, Bộ Quốc phòng cho thấy: Toàn bộ phần nội dung phôi in và các chữ số in trên các tem hiệu chuẩn cần giám định ký hiệu A2 với phần nội dung phôi in và số trên tem hiệu chuẩn mẫu so sánh (ký hiệu M2) đều được hình thành bằng phương pháp in laze màu nhưng có sự giống nhau về bố cục hình dáng hoa văn nền và có cùng chất lượng bản in sắc nét rõ ràng.

Toàn bộ phần nội dung phôi in và các chữ số in trên các tem hiệu chuẩn cần giám định ký hiệu A1 và từ A3 đến A13 với phần nội dung phôi in và số trên tem hiệu chuẩn mẫu so sánh (ký hiệu M2) đều được hình thành bằng phương pháp in laze màu nhưng có sự khác nhau về bố cục hình dáng hoa văn nền, kích thước phôi và chất lượng bản in; kích thước phôi in ở các tài liệu cần giám định lớn hơn, mức độ sắc nét của các phần tử in là thấp hơn so với tem hiệu chuẩn mẫu so sánh.

Biên bản kiểm tra các máy tính và USB do Cơ quan điều tra hình sự khu vực Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng tiến hành hồi 13 giờ 30 phút ngày 25/10/2018, xác định: Trong ổ C của máy tính nhãn hiệu Game Max chứa các phôi Giấy chứng nhận hiệu chuẩn thiết bị âm kế của Viện K có chữ ký của cán bộ kiểm nghiệm, chữ ký của thủ trưởng đơn vị và dấu đỏ của Viện K; trong ổ E phát hiện 01 file cài đặt là phần mềm cài đặt hướng dẫn sử dụng thiết bị âm kế, 01 (một) file PDF có nội dung hướng dẫn lắp đặt máy Elitech RC-C1 và các hình ảnh hướng dẫn lắp đặt, cài đặt máy âm kế, 01 (một) file text chứa link tải phần mềm âm kế; 01 (một) file corel draw X8 lưu tên “Hai Ham” có chứa nội dung là hình ảnh hướng dẫn lắp đặt, cài đặt âm kế.

Trong USB nhãn hiệu FORCE 21 (màu đỏ trắng, dung lượng 8GB) có lưu trữ: 01 (một) file có tên: “Hướng dẫn lắp đặt, cài đặt” là nội dung hướng dẫn lắp đặt máy âm kế ELITECH RC-C1; 01 (một) file cài đặt chứa phần mềm hướng dẫn cài đặt, sử dụng âm kế.

Biên bản kiểm tra điện thoại di động của Nguyễn Thị Hải Y và Đoàn Mạnh T do Cơ quan điều tra hình sự khu vực Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng tiến hành hồi 07 giờ 15 phút ngày 25/10/2018 xác định: Trong điện thoại của Nguyễn Thị Hải Y (điện thoại Iphone 8 Plus, số seri: F2LSDUTKHG02, có Emei: 359128078973647, dung lượng 32Gb, số điện thoại: 0979759625) và

Doãn Mạnh T (điện thoại Iphone 7, số seri: DNXXSK535HG&F, có Emei: 353805082866331, số điện thoại: 0904312410) có lưu trữ các tin nhắn trao đổi với nội dung làm giấy chứng nhận hiệu chuẩn âm kế và thể hiện thời gian, ngày giờ nhắn gửi thông tin trùng khớp nhau.

Quá trình điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (đại diện các Nhà thuốc) đều khẳng định: Đã mua thiết bị âm kế và hiệu chuẩn lại âm kế qua Nguyễn Thị Hải Y; họ đều không biết các Giấy chứng nhận hiệu chuẩn, Tem hiệu chuẩn đó là giả và đề nghị xử lý các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì.

Công văn số 495/VKN-CT ngày 20/11/2018 và số 162/VKN-KC ngày 19/4/2019 của Viện K khẳng định: Hành vi phạm tội của các bị cáo tuy không gây thiệt hại về vật chất nhưng phần nào đã ảnh hưởng đến uy tín của đơn vị; tuy nhiên, đơn vị vẫn triển khai công việc chuyên môn, hoạt động bình thường. Vì vậy, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bị hại đồng ý với nội dung trong lời luận tội của Kiểm sát viên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số 98/CT-VKSQSKVTĐHN ngày 19 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội truy tố Nguyễn Thị Hải Y và Doãn Mạnh T về tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thị Hải Y và Doãn Mạnh T về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện từ tháng 7 năm 2017 đến đầu tháng 10 năm 2018; trong đó có nhiều hành vi được thực hiện từ trước thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực. Do đó, mặc dù áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để truy tố, nhưng đối với tình tiết các bị cáo thu lời bất chính số tiền 12.250.000 đồng thì qua so sánh, đối chiếu thấy việc áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như trong Cáo trạng truy tố là bất lợi hơn cho các bị cáo so với quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Kiểm sát viên đề nghị chỉ áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử các bị cáo về tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội và nhân thân của bị cáo cũng như căn cứ vào các quy định của pháp luật; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử

áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; Điều 17; Điều 58 và các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với cả hai bị cáo; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải Y từ 30 tháng đến 36 tháng tù; xử phạt bị cáo Doãn Mạnh T từ 24 tháng đến 30 tháng tù; áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

- *Về bồi thường thiệt hại*: Nguyễn Thị Hải Y và Doãn Mạnh T đã trả lại số tiền có được từ việc làm giả Giấy chứng nhận hiệu chuẩn và Tem hiệu chuẩn thiết bị âm kế cho các nhà thuốc; Các nhà thuốc không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị ghi nhận. Viện K không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

- *Về xử lý vật chứng*: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước đối với: 01 điện thoại Iphone 7 và 01 điện thoại Iphone 8 đã qua sử dụng;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 USB FORCE 21 đã qua sử dụng; 02 xác sim điện thoại di động.

- *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và đại diện theo ủy quyền của bị hại đều đồng ý với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều ân hận về hành phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện chăm sóc gia đình và sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hình sự Tổng cục Hậu cần; Cơ quan điều tra hình sự khu vực Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Thị Hải Y và Doãn Mạnh T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ

khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản thực nghiệm điều tra và các Kết luận giám định...

Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện từ tháng 7/2017 đến đầu tháng 10/2018, trong đó có cả những hành vi được thực hiện từ trước và sau thời điểm Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực. Xem xét những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra không xác định được cụ thể số tiền mà các bị cáo đã thu lời bất chính là bao nhiêu từ những hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 (khi Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành). Các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình được thực hiện từ tháng 7/2017 đến đầu tháng 10/2018, nhưng không nhớ cụ thể năm 2018 đã thực hiện bao nhiêu lần và đã thu lời bao nhiêu tiền. Do đó, tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đề nghị không áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như đã nêu trong bản Cáo trạng mà chỉ đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử đối với các bị cáo về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án và các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng tháng 7/2017 đến ngày 3/10/2018, Nguyễn Thị Hải Y đã nhiều lần thuê Doãn Mạnh T làm giả 49 Giấy chứng nhận và 38 Tem hiệu chuẩn âm kế của Viện K bán cho các nhà thuốc vì mục đích thu lời; trong đó, Y thu lời 7.350.000 đồng, T thu lời 4.900.000 đồng. Vì vậy, hành vi của Y và T đã phạm vào tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ý kiến của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi thực hiện tội phạm là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Y do được thuê bán sách tại hiệu sách thuộc Hội y học Thành phố Hà Nội, đã lợi dụng nhu cầu hiệu chuẩn âm kế của một số nhà thuốc nên đã thuê bị cáo T làm giả Giấy chứng nhận hiệu chuẩn và Tem hiệu chuẩn âm kế của Viện K bán cho các nhà thuốc với mục đích kiếm lời; Y là người khởi xướng nên vai trò của Y đứng thứ nhất trong vụ án, T là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội theo yêu cầu của Y nên vai trò đứng sau Y. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Thị Hải Y và Doãn Mạnh T đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; quá trình giải quyết vụ án cả hai bị cáo đã trả lại số tiền có được do bán Giấy chứng nhận hiệu chuẩn và Tem hiệu chuẩn âm kế giả cho các nhà thuốc; tại Công văn số 162/VKN-KC ngày 19/4/2019 của Viện K, cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo. Vì

vậy, cả hai bị cáo Nguyễn Thị Hải Y và Doãn Mạnh T đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử cũng xem xét đến hoàn cảnh gia đình các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Xem xét tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng; cũng như xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo. Bị cáo Y là phụ nữ, có chồng nhưng đã bỏ nhà đi, một mình bị cáo phải lao động nuôi dưỡng mẹ chồng và hai con ăn học; bị cáo T cũng có ba con đều còn nhỏ; số tiền các bị cáo có được từ hành vi phạm tội của mình là không lớn. HĐXX thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo được hưởng án treo; buộc các bị cáo phải chịu thời gian thử thách theo quy định của pháp luật; giao các bị cáo cho chính quyền nơi các bị cáo cư trú giám sát và giáo dục cũng đủ điều kiện để cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo phòng ngừa chung, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật, tạo cơ hội cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Hải Y và Doãn Mạnh T đã xâm phạm đến uy tín của bị hại và gây thiệt hại về vật chất cho các nhà thuốc. Do đó, các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho Viện K và các nhà thuốc.

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 các Điều 584; 585; 586; Điều 587; 592 Bộ luật Dân sự, buộc Nguyễn Thị Hải Y và Doãn Mạnh T phải trả lại toàn bộ số tiền có được do bán Giấy chứng nhận hiệu chuẩn và Tem hiệu chuẩn giả cho các nhà thuốc; bồi thường cho Viện K một khoản tiền để bù đắp do uy tín bị xâm hại. Quá trình giải quyết vụ án, các nhà thuốc không yêu cầu Y và T phải bồi thường nhưng Y và T vẫn trả lại tiền cho các nhà thuốc. Viện K không yêu cầu Y và T phải bồi thường gì. Như vậy, trong vụ án này, bị hại và các đương sự không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng:

Đối với 01 điện thoại Iphone 8 Plus đã qua sử dụng, số seri: F2LSDUTKHG02, có Emei: 359128078973647, và 01 xác sim điện thoại tại thời điểm tháng 10/2018 có số thuê bao là 0979759625 của bị cáo Y; 01 điện thoại Iphone 7 đã qua sử dụng, số seri: DNXXSK535HG&F, có Emei: 353805082866331 và 01 xác sim điện thoại tại thời điểm tháng 10/2018 có số thuê bao là 0904312410 của bị cáo T; các bị cáo đã dùng 02 chiếc điện thoại Iphone và 02 số thuê bao trên liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội. Đối với 01 USB FORCE 21 (màu đỏ trắng, dung lượng 8GB) đã qua sử dụng có lưu trữ: 01 file có tên: “Hướng dẫn lắp đặt, cài đặt” là nội dung hướng dẫn lắp đặt máy âm kế ELITECH RC-C1 và 01 file cài đặt chứa phần mềm hướng dẫn cài đặt, sử dụng âm kế. Đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng phạm tội. Vì vậy, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu,

sung vào ngân sách Nhà nước đối với: 02 chiếc điện thoại Iphone; áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy đối với 02 xác sim điện thoại di động và 01 chiếc USB FORCE 21 trên.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Thị Hải Y và Doãn Mạnh T, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Hải Y và Doãn Mạnh T phạm tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; Điều 17; Điều 58; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với cả hai bị cáo; xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Thị Hải Y 30 (Ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/7/2019). Giao bị cáo Nguyễn Thị Hải Y cho Ủy ban nhân dân phường G, quận L, Thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Doãn Mạnh T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/7/2019). Giao bị cáo Doãn Mạnh T cho Ủy ban nhân dân phường G, quận L, Thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước đối với: 01 điện thoại Iphone 7 và 01 điện thoại Iphone 8 Plus đã qua sử dụng.

- Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 USB FORCE 21 đã qua sử dụng và 02 xác sim điện thoại di động.

Vật chứng tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước và tiêu hủy trên có đặc điểm theo Biên bản kiểm tra đồ vật, tài liệu lập hồi 07 giờ 15 phút, hồi 08 giờ và hồi 13 giờ 30 phút ngày 25/10/2018 của Cơ quan điều tra hình sự khu vực, Tổng cục Hậu cần.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Nguyễn Thị Hải Y và Doãn Mạnh T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/7/2019) đối với các bị cáo, bị hại; kể từ ngày nhận được Bản án đối với đương sự vắng mặt. Các bị cáo, bị hại và các đương sự có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm lên Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội.

Nơi nhận:

- Tòa án QSTU;
- VKSQSTĐHN;
- VKSQSKVTĐHN;
- Phòng THA- BTTM;
- CQĐTHSKV-TCHC- BQP;
- CQTHAHS Công an quận L, TP. Hà Nội;
- UBND Phường G, quận L, TP. Hà Nội;
- UBND Phường G, quận L, TP. Hà Nội;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL,NVLQ đến vụ án;
- Lưu: HS, THA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1// Đỗ Thanh Xuân